

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 24/2022/DS-ST
Ngày 26-8-2022
V/v kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Xuân Tĩnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ma Thanh Trọng;

Bà Lành Thị Thanh Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lan - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 và 26 tháng 8 năm 2022, tại Phòng xét xử số 1, trụ sở Toà án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 43/2022/TLST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2022 về việc kiện đòi tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Phạm Thị T, sinh năm 1959; địa chỉ: Số 18, đường P, tổ 2, khối 1, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1957; địa chỉ: Số 18, đường P, tổ 2, khối 1, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn D: Bà Phạm Thị T; địa chỉ: Số 18, đường P, tổ 2, khối 1, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt (Văn bản ủy quyền ngày 30-6-2022).

- Bị đơn:

1. Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1978; địa chỉ: Ngõ 57, đường N, khối 1 + 2, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Ông Lưu Đình C, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn P, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Lưu Đình V; địa chỉ: Thôn P, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của các nguyên đơn và lời trình bày tại phiên tòa bà Phạm Thị T thể hiện: Từ năm 2000 gia đình bà mở cửa hàng kinh doanh mua bán thức ăn chăn nuôi cho mọi người tại địa bàn thành phố L, từ cuối năm 2012 đến năm 2018 có bán cám để nuôi gà để trứng cho vợ chồng bà Hoàng Thị H và ông Lưu Đình C; hình thức giao cám theo đợt ghi sổ và cộng tiền hàng các lần giao, sau khi thanh toán sẽ trừ và chốt sổ tiền còn nợ thanh toán cho lần sau. Quá trình mua bán có lần bà Hoàng Thị H nhận, có lần ông Lưu Đình C nhận cám đều ký sổ. Đến năm 2018 không chăn nuôi nữa, nhưng vợ chồng bà Hoàng Thị H không trả số tiền mua cám còn lại, ngày 23-12-2018 bà Hoàng Thị H ký chốt sổ nhận nợ 580.000.000 đồng, hẹn trả dần, nếu không trả thì tính lãi. Nhưng 1 năm sau vẫn không trả, ngày 26-12-2019 bà Hoàng Thị H viết giấy nhận nợ 580.000.000 đồng hẹn trả dần, nhưng không thực hiện. Bà đòi nhiều lần nhưng không được, đến ngày 24-5-2022 bà cùng bà Hoàng Thị H ký giấy nhận nợ, bà Hoàng Thị H vẫn xác nhận còn nợ gốc là 580.000.000 đồng; sau đó bà đưa giấy này cho ông Lưu Đình C ký, thì ông không ký và cho rằng đây là nợ riêng của bà Hoàng Thị H, ông Lưu Đình C không liên quan, không biết có nợ, vì tháng 7-2019 bà Hoàng Thị H làm đơn xin ly hôn, khi Tòa án giải quyết bà Hoàng Thị H đã xác định tại Tòa vợ chồng không có nợ chung và cùng thỏa thuận thuận tình ly hôn. Nhưng theo bà việc mua cám gà để chăn nuôi là của chung vợ chồng bà Hoàng Thị H, thời điểm đó chưa ly hôn, nên phải có trách nhiệm nghĩa vụ cùng trả nợ cho vợ chồng bà.

Nay bà khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Hoàng Thị H, ông Lưu Đình C phải trả tiền nợ gốc mua cám gà là 580.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01-12-2019 đến ngày khởi kiện 09-6-2022 theo lãi suất Ngân hàng 6%/Năm là 87.810.000 đồng.

Bị đơn bà Hoàng Thị H trình bày tại bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa thể hiện: Từ năm 2010, vợ chồng bà có thuê trang trại chăn nuôi có diện tích khoảng 2.000m² tại xã M, thành phố L để nuôi gà lấy trứng bán, sau đó tháng 9-2011 vợ chồng bà cùng gia đình nhà chồng thống nhất góp tiền mua lại đất và trang trại này để thuận tiện cho việc chăn nuôi. Quá trình chăn nuôi có mua cám gà với cửa hàng của bà Phạm Thị T như bà Phạm Thị T trình bày là đúng; nhưng việc kinh doanh chăn nuôi gà là việc kinh doanh chung của vợ chồng, các khoản chi phí, thu chi ông Lưu Đình C đều biết; còn tiền lãi từ việc kinh doanh chăn nuôi đã chi tiêu trả nợ chung, chi tiêu trong gia đình và cho các con ăn học. Đến năm 2018 do dịch bệnh gà chết, kinh doanh thua lỗ nên không chăn nuôi nữa và còn nợ của vợ chồng bà Phạm Thị T tiền cám chưa thanh toán, do thời điểm đó vợ chồng mâu thuẫn dẫn đến năm 2019 ly hôn và chưa trả được cho bà Phạm Thị T. Nên ngày 24-5-2022 bà Phạm Thị T đến nhà đòi nợ, bà đã ký giấy chốt nợ với số tiền 580.000.000 đồng. Nay bà Phạm Thị T kiện đòi bà nhất trí với số tiền nợ, nhưng yêu cầu được trả dần và xác định ông Lưu Đình C

cùng phải trả nợ, về yêu cầu trả tiền lãi, do dịch bệnh chăn nuôi không hiệu quả xin bà Phạm Thị T không phải trả lãi.

Bị đơn ông Lưu Đình C trình bày tại bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa thể hiện: Sau khi ông kết hôn với bà Hoàng Thị H đều cùng ở với bố mẹ ông tại nhà ở phường V, thành phố L; sau đó cần vốn kinh doanh làm ăn bố mẹ ông đồng ý bán nhà, đất này để cùng vợ chồng ông mua lại trang trại chăn nuôi gà có diện tích 2.000m², trên đất có sẵn nhà ở cho gia đình và công nhân, 2 dãy nhà nuôi gà ở thôn P, xã M, thành phố L. Từ năm 2011 vợ ông là bà Hoàng Thị H tự quản lý kinh doanh mua giống, thức ăn chăn nuôi, thuê công nhân và thu chi của việc chăn nuôi gà, trong đó có việc mua cám chăn nuôi gà với bà Phạm Thị T; còn ông thành lập công ty để kinh doanh riêng, không liên quan đến việc chăn nuôi gà của vợ, thi thoảng nhận hộ cám, thanh toán tiền do bà Hoàng Thị H nhờ trả cho bà Phạm Thị T và sửa chữa điện, nước trang trại nếu có hư hỏng.

Nay vợ chồng bà Phạm Thị T khởi kiện yêu cầu cả ông và bà Hoàng Thị H phải có trách nhiệm cùng trả nợ tiền cám, ông không đồng ý vì lý do: Thứ nhất, khi giải quyết ly hôn năm 2019, lời trình bày của bà Hoàng Thị H tại Tòa đều trình bày là tài sản chung của vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết và không có nợ chung, do trước khi ly hôn, nợ của ai người đấy đã tự trả hết. Thứ hai, quá trình làm ăn bà Hoàng Thị H tự ý lấy sổ đỏ của bố ông là ông Lưu Đình V để tách diện tích 500m² mang bán lấy tiền tự kinh doanh, đến khi tách sổ đỏ xong thì ông mới biết. Thứ ba, năm 2016 bà Hoàng Thị H còn mượn sổ đỏ của bố ông là ông Lưu Đình V để thế chấp vay 500.000.000 đồng với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, chi nhánh Lạng Sơn nhưng không trả, nên bố ông sợ mất đất đã đồng ý cho bán thêm 500m² đất nữa để trả cả gốc và lãi vay là 700.000.000 đồng để lấy sổ đỏ về trả cho bố ông. Nay ông yêu cầu bà Hoàng Thị H phải có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ cho vợ chồng bà Phạm Thị T.

Người làm chứng ông Lưu Đình V tại biên bản lấy lời khai và lời trình bày tại phiên tòa thể hiện: Ông là bố đẻ của anh Lưu Đình C và bố chồng của chị Hoàng Thị H, không có quan hệ làm ăn vay nợ gì với vợ chồng bà Phạm Thị T. Trước đây gia đình ông có nhà tại phường V, thành phố L nhưng do vợ chồng anh Lưu Đình C cần vốn làm ăn thì vợ chồng ông đã bán nhà, đất ở phường V để cùng vợ chồng anh Lưu Đình C mua 2.000m² đất ở thôn P, xã M, thành phố L để kinh doanh trang trại nuôi gà. Khi mua trên đất đã có sẵn dãy nhà cho công nhân ở và 02 dãy chuồng trại nuôi gà, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông. Quá trình kinh doanh trang trại gà do vợ chồng chị Hoàng Thị H quản lý kinh doanh lỗ, lãi thế nào ông không biết.

Đối với việc nợ tiền cám của bà Phạm Thị T, sau khi bà Phạm Thị T đến đòi nợ thì ông biết và có bàn bạc với vợ chồng anh Lưu Đình C và bà Phạm Thị T là cắt một phần đất của trang trại để trả thanh toán tiền nợ, các bên đều nhất trí, nhưng vợ chồng anh Lưu Đình C mâu thuẫn dẫn đến xin ly hôn, sau đó anh Lưu Đình C lại không nhất trí nên không thực hiện được. Nay bà Phạm Thị T

kiện đòi nợ, theo ông thì chị Hoàng Thị H phải có trách nhiệm trả. Vì quá trình làm ăn, chị Hoàng Thị H đã tự tách sổ đỏ diện tích 500m² đất trong tổng diện tích 2.000m² bán được 1.400.000.000 đồng, khi đó ông bảo bán đất có tiền thì trả hết nợ cho mọi người nhưng không thấy chị Hoàng Thị H nói lại là đã trả hết cho mọi người hay chưa. Trong thời gian này chị Hoàng Thị H còn vay 500.000.000 đồng với ngân hàng và thế chấp bằng sổ đỏ của ông và nói vay tiền để xin việc cho con, nhưng không xin được và cũng không trả nợ cho ngân hàng nên ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp. Do không muốn bị ngân hàng lấy đất đã phải đi vay tiền của các con để trả ngân hàng, nay chưa trả được thì thống nhất trả 500m² đất để trừ nợ khoản vay đã trả ngân hàng. Do vậy, theo ông thì khoản nợ tiền cám nuôi gà một mình chị Hoàng Thị H phải trả.

Tại phiên họp kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 21-7-2022, nguyên đơn đề nghị các bị đơn trả hết nợ gốc trước ngày 21-12-2022 thì không yêu cầu trả lãi; còn bà Hoàng Thị H xác định số tiền nợ 580.000.000 đồng là đúng, nhưng hoàn cảnh khó khăn, nên cho bà và ông Lưu Đình C trả dần mỗi tháng 4.000.000 đồng đến khi hết nợ và yêu cầu anh Lưu Đình C cùng có trách nhiệm trả nợ; ông Lưu Đình C không đồng ý mà yêu cầu bà Hoàng Thị H phải tự trả nợ cho vợ chồng bà Phạm Thị T.

Tại phiên tòa, các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn phát biểu quan điểm.

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Các đương sự được thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, đã có bản tự khai, cung cấp chứng cứ, tham gia phiên họp, phiên hòa giải đúng quy định; không có kiến nghị gì.

Về nội dung vụ án: Qua tài liệu chứng cứ trong hồ sơ và làm rõ tại phiên tòa, có căn cứ xác định các bị đơn còn nợ tiền mua cám của nguyên đơn là 580.000.000 đồng là đúng, có căn cứ. Về trách nhiệm trả nợ, thấy: Khoản nợ của nguyên đơn được hình thành trong thời kỳ hôn nhân; tuy các bị đơn đã ly hôn tháng 7-2019 và khi ly hôn đã tự thỏa thuận khoản nợ này sẽ bán đất là tài sản chung chưa chia khi ly hôn để lấy tiền trả nợ, nếu không bán được đất thì gán tiền nợ trả bằng đất, nên buộc các bị đơn phải có trách nhiệm cùng trả nợ nguyên đơn là có căn cứ. Về yêu cầu trả tiền lãi: Đây là đòi tiền nợ qua việc mua bán hàng hóa, không thỏa thuận về tiền lãi. Nhưng kể từ tháng 12-2019 các bên chốt tiền nợ và cam kết nếu không trả gốc thì phải chịu lãi theo lãi suất ngân hàng quy định. Nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu trả lãi trên nợ gốc ứng với thời gian chưa trả theo quy định.

Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 166; 430; 431; 440 và khoản 1, khoản 2 Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc các bị đơn phải liên đới trả cho nguyên đơn 580.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi theo quy định; các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải trả; nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn kiện đòi tài sản là tiền mua bán cám chăn nuôi gà, việc mua bán thỏa thuận miệng việc giao cám, trả tiền và chốt sổ tiền còn nợ, nên xác định đây là tranh chấp đòi tài sản là tiền còn nợ qua giao dịch mua bán tài sản, quy định tại Điều 430, 431, 440 của Bộ luật Dân sự. Về thẩm quyền, căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T, ông Nguyễn Văn D là đòi tiền nguyên đơn bán cám chăn nuôi gà từ năm từ năm 2012 đến năm 2018 cho vợ chồng bà Hoàng Thị H, ông Lưu Đình C. Các bên đương sự thừa nhận, việc mua bán cám chăn nuôi hai bên thỏa thuận miệng bằng hình thức giao nhận hàng ký sổ, chốt sổ tiền nợ và trả nợ. Tính đến ngày 26-12-2019 chốt sổ các bên thừa nhận còn nợ tiền cám của bà Phạm Thị T là 580.000.000 đồng không tranh chấp, nên số tiền gốc còn nợ không phải chứng minh vì hai bên đều thừa nhận. Nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu đòi tiền nợ gốc của bên nguyên đơn, vì có căn cứ.

[3] Về nghĩa vụ trả nợ, thấy: Khoản nợ tiền mua cám chăn nuôi gà được thực hiện từ năm 2012 đến năm 2018, thời gian này ông Lưu Đình C và bà Hoàng Thị H là vợ chồng. Căn cứ hợp đồng thuê địa điểm đất và trang trại nuôi gà lập ngày 15-8-2010, xác định bên thuê là ông Lưu Đình C, quá trình chăn nuôi ông Lưu Đình C thừa nhận là người chịu trách nhiệm về kỹ thuật chăn nuôi, nên ông cho rằng việc kinh doanh chăn nuôi gà là của riêng bà Hoàng Thị H là không có căn cứ; hơn nữa những lần mua cám ông Lưu Đình C có được nhận cám, trả tiền cho bà Phạm Thị T, có được ký trả tiền và chốt sổ lần cuối vào ngày 30-8-2017 số tiền cám vợ chồng ông còn nợ là 626.750.000 đồng, sau đó bà Hoàng Thị H trả thêm được một số tiền và ngày 23-12-2018 chốt còn nợ là 580.000.000 đồng. Nên ông Lưu Đình C cho rằng việc thu chi, lỗ lãi khi chăn nuôi do bà Hoàng Thị H quản lý, ông không biết nên bà Hoàng Thị H phải tự trả là không phù hợp. Hơn nữa thực tế việc kinh doanh nuôi gà có lãi và được chi tiêu cho gia đình, nuôi dạy con chung, nên không có căn cứ là nợ riêng của bà Hoàng Thị H; còn lý do ông Lưu Đình C cho rằng bà Hoàng Thị H tự ý bán một phần đất lấy tiền và vay ngân hàng 500.000.000 đồng mà không trả nợ, đây là

các giao dịch trong thời kỳ hôn nhân các bên đã thực hiện không liên quan đến nghĩa vụ trả nợ.

[4] Về căn cứ ông Lưu Đình C cho rằng tháng 7-2019 khi giải quyết ly hôn các bên đều thừa nhận không có nợ chung, nên ông không có trách nhiệm trả nợ là không đúng. Căn cứ lời khai của vợ chồng ông Lưu Đình C và nguyên đơn bà Phạm Thị T, cũng như lời khai làm chứng ông Lưu Đình V, thì khoản nợ tiền cám các bị đơn và gia đình đều biết và có thống nhất trả nợ bằng việc cắt một phần đất trong trang trại nuôi gà bán để trả nợ, hoặc gán đất cho vợ chồng bà Phạm Thị T để trừ nợ, nên khi giải quyết ly hôn vợ chồng đã trình bày tại Tòa là không có nợ chung để thuận tình ly hôn. Do vậy, dù ông Lưu Đình C và bà Hoàng Thị H đã ly hôn, nhưng khoản nợ này hình thành trong thời kỳ hôn nhân, tài sản chung chưa yêu cầu chia khi ly hôn, nên nguyên đơn khởi kiện buộc các bị đơn có trách nhiệm liên đới trả nợ là phù hợp, căn cứ theo quy định tại Điều 27, 37 và 60 của Luật Hôn nhân và gia đình. Buộc bà Hoàng Thị H, ông Lưu Đình C mỗi người phải trả 1/2 số tiền nợ gốc cho nguyên đơn là có căn cứ.

[5] Về yêu cầu trả tiền lãi: Việc thỏa thuận miệng mua bán cám chăn nuôi gà không có yêu cầu trả lãi. Tuy nhiên sau khi xác định số tiền còn nợ gốc 580.000.000 đồng, ngày 26-12-2019 bà Hoàng Thị H có giấy thỏa thuận và ký cam kết nếu không trả được số tiền nợ gốc nào thì phải chịu lãi. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu trả lãi của nguyên đơn là 6%/Năm, trên số tiền nợ gốc 580.000.000 đồng, cụ thể: Từ 26-12-2019 đến 25-12-2021 (02 năm) là 69.600.000 đồng; từ 26-12-2021 đến hết 25-8-2022 (08 tháng) là 23.200.000 đồng và thêm 01 ngày 26-8-2022 (ngày xét xử, làm tròn số) là 96.000 đồng. Tổng cộng tiền lãi là 92.896.000 đồng. Buộc các bị đơn mỗi người phải trả 1/2 số tiền lãi này cho nguyên đơn là phù hợp.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án, lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Các bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự có giá ngạch ứng với số tiền 672.896.000 đồng phải trả cho nguyên đơn (trong đó 400.000.000 đồng, tiền án phí là 20.000.000 đồng; và số tiền còn lại 272.896.000 đồng x 4% là 10.919.000 đồng), tổng cộng là 30.919.000 đồng. Buộc mỗi bị đơn phải chịu 1/2 tổng số tiền án phí, để nộp ngân sách Nhà nước.

[7] Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8] Quan điểm nhận định và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được Hội đồng xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 166, 430; 431; 440 và khoản 1, khoản 2 Điều 357;

khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27, 37 và 60 của Luật Hôn nhân và gia đình và căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn D về yêu cầu đòi lại tài sản là tiền nợ do mua bán thức ăn chăn nuôi gà đối với bị đơn bà Hoàng Thị H, ông Lưu Đình C, cụ thể:

1.1. Buộc bị đơn bà Hoàng Thị H, ông Lưu Đình C có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Phạm Thị T, ông Nguyễn Văn D số tiền nợ gốc 580.000.000 đồng và tiền lãi 92.896.000 đồng, tổng cộng là 672.896.000 đồng (sáu trăm bảy mươi hai triệu tám trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

1.2. Trong đó bà Hoàng Thị H và ông Lưu Đình C mỗi người phải trả là 336.448.000 đồng (ba trăm ba mươi sáu triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

1.3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được trả tiền về số tiền phải trả, nếu bên phải trả tiền chưa trả được tiền, thì còn phải chịu tiền lãi ứng với số tiền, thời gian chậm trả, theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

2.1. Nguyên đơn bà Phạm Thị T, ông Nguyễn Văn D không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

2.2. Buộc bị đơn bà Hoàng Thị H và ông Lưu Đình C mỗi người phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 15.459.500 đồng (mười năm triệu bốn trăm năm mươi chín nghìn năm trăm đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- VKS nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- VKS ND thành phố Lạng Sơn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- CC.THA DS thành phố Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ + Tổ HCTP.

Dương Xuân Tỉnh